

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026 ĐỢT 1

Đại học Cần Thơ trân trọng thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2026 đợt 1 với các nội dung như sau:

I. CÁC NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH (Danh mục ngành dự tuyển đính kèm).

TT	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Định hướng đào tạo	Phương thức tuyển sinh
1	Bảo vệ thực vật	8620112	30	Nghiên cứu	<i>Xét tuyển kết hợp thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào bậc 3/6 (B1) đối với các thí sinh chưa có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</i>
	Bảo vệ thực vật	8620112	15	Ứng dụng	
2	Bệnh học thủy sản	8620302	15	Nghiên cứu	
3	Công nghệ sinh học	8420201	40	Nghiên cứu	
4	Công nghệ thông tin	8480201	50	Nghiên cứu	
5	Công nghệ thực phẩm	8540101	25	Nghiên cứu	
6	Chăn nuôi	8620105	15	Nghiên cứu	
7	Chính sách công	8340402	15	Nghiên cứu	
8	Di truyền và chọn giống cây trồng	8620111	15	Nghiên cứu	
9	Hệ thống nông nghiệp	8620118	15	Nghiên cứu	
10	Hệ thống nông nghiệp, chuyên ngành Biến đổi khí hậu và nông nghiệp nhiệt đới bền vững	8620118	15	Nghiên cứu	
11	Hệ thống thông tin	8480104	35	Ứng dụng	
12	Hóa học	8440112	20	Nghiên cứu	
13	Hóa hữu cơ	8440114	15	Nghiên cứu	
14	Hóa lý thuyết và hóa lý	8440119	15	Nghiên cứu	
15	Kinh tế học	8310101	15	Ứng dụng	
16	Kinh tế nông nghiệp	8620115	15	Nghiên cứu	
17	Kỹ thuật cơ khí	8520103	15	Nghiên cứu	
18	Kỹ thuật điện	8520201	15	Ứng dụng	
19	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	8520216	15	Ứng dụng	
20	Kỹ thuật hóa học	8520301	15	Nghiên cứu	
21	Kỹ thuật môi trường	8520320	15	Nghiên cứu	
22	Kỹ thuật phần mềm-ngành mới	8480103	30	Nghiên cứu	
23	Kỹ thuật xây dựng	8580201	30	Nghiên cứu	
24	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	8580202	15	Nghiên cứu	
25	Khoa học cây trồng	8620110	20	Nghiên cứu	

TT	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Định hướng đào tạo	Phương thức tuyển sinh
26	Khoa học cây trồng, chuyên ngành Kỹ thuật nông nghiệp thông minh	8620110	15	Nghiên cứu	<i>Xét tuyển kết hợp thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào bậc 3/6 (B1) đối với các thí sinh chưa có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</i>
27	Khoa học đất	8620103	15	Nghiên cứu	
28	Khoa học máy tính	8480101	30	Nghiên cứu	
29	Khoa học môi trường	8440301	15	Nghiên cứu	
30	Luật	8380101	15	Ứng dụng	
31	Luật kinh tế	8380107	15	Ứng dụng	
32	Lý luận và phương pháp dạy học	8140110	70	Nghiên cứu	
33	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục thể chất)	8140111	20	Nghiên cứu	
34	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Pháp)	8140111	15	Ứng dụng	
35	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán)	8140111	30	Nghiên cứu	
36	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Văn và Tiếng Việt)	8140111	15	Nghiên cứu	
37	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	8460106	15	Nghiên cứu	
38	Nuôi trồng thủy sản	8620301	20	Nghiên cứu	
39	Phát triển nông thôn	8620116	15	Nghiên cứu	
40	Quản lý đất đai	8850103	25	Nghiên cứu	
41	Quản lý giáo dục	8140114	50	Nghiên cứu	
42	Quản lý kinh tế	8310110	30	Nghiên cứu	
	Quản lý kinh tế	8310110	50	Ứng dụng	
43	Quản lý tài nguyên và môi trường	8850101	20	Nghiên cứu	
44	Quản lý tài nguyên và môi trường, chuyên ngành Biến đổi khí hậu và quản lý đồng bằng	8850101	15	Nghiên cứu	
45	Quản lý thủy sản	8620305	15	Nghiên cứu	
46	Quản lý thủy sản, chuyên ngành Biến đổi khí hậu và quản lý tổng hợp thủy sản ven biển	8620305	15	Nghiên cứu	
47	Quản trị kinh doanh	8340101	30	Nghiên cứu	
	Quản trị kinh doanh	8340101	50	Ứng dụng	
48	Sinh học-ngành mới	8420101	25	Nghiên cứu	
49	Sinh thái học	8420120	15	Nghiên cứu	
50	Tài chính - Ngân hàng	8340201	20	Nghiên cứu	
	Tài chính - Ngân hàng	8340201	60	Ứng dụng	
51	Toán giải tích	8460102	15	Nghiên cứu	
52	Toán ứng dụng	8460112	20	Nghiên cứu	
53	Thú y	8640101	30	Nghiên cứu	
54	Triết học	8229001	30	Nghiên cứu	

TT	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Định hướng đào tạo	Phương thức tuyển sinh
55	Văn học Việt Nam	8220121	15	Nghiên cứu	
56	Vật lý kỹ thuật-ngành mới	8520401	25	Nghiên cứu	
57	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	8440103	20	Nghiên cứu	
58	Vi sinh vật học	8420107	15	Nghiên cứu	
59	Luật	8380101	15	Nghiên cứu	Thi tuyển 03 môn: - Tư duy pháp lý. - Lý luận về nhà nước và pháp luật. - Anh văn.
60	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	8140111	80	Nghiên cứu	Thi tuyển 02 môn: - Kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh. - Phương pháp giảng dạy tiếng Anh.
61	Ngôn ngữ Anh	8220201	25	Nghiên cứu	Thi tuyển 02 môn: - Kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh. - Ngôn ngữ học.

II. ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ TUYỂN

1. Điều kiện về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu tốt nghiệp đại học xếp loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đối với trường hợp tốt nghiệp đại học loại trung bình, trung bình khá.

b) Danh mục ngành phù hợp có và không có bổ sung kiến thức, học phần bổ sung kiến thức được thể hiện ở **Danh mục các ngành dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2026 đợt 1**.

c) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

2. Điều kiện về ngoại ngữ

Có năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam cụ thể như sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài có quyết định cho phép giảng dạy bằng tiếng nước ngoài theo quy định hiện hành (không bao gồm chương trình đại học chất lượng cao);

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học do Đại học Cần Thơ cấp trong thời gian không quá 02 năm (24 tháng) tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.;

c) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các trường đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép cấp chứng chỉ.

d) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được quy định tại **Phụ lục** của Thông báo này và còn thời hạn không quá 02 năm (24 tháng) tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

e) Đối với **ứng viên chưa đủ điều kiện ngoại ngữ ở các mục a, b, c, d** Đại học Cần Thơ tổ chức **thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào bậc 3/6 (B1)** theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại thời điểm tuyển sinh của từng đợt. Kết quả thi chỉ áp dụng cho đúng đợt thi của thí sinh đăng ký, không bảo lưu cho các đợt kế tiếp và không cấp giấy chứng nhận. Điểm đạt là từ 4,0đ (bốn điểm) trở lên, không làm tròn điểm.

f) Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

3. Về kinh nghiệm và công tác chuyên môn

a) Ứng viên tốt nghiệp đại học ngành phù hợp (không bổ sung kiến thức) được đăng ký dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp.

b) Ứng viên tốt nghiệp đại học **ngành phù hợp có bổ sung kiến thức được đăng ký dự tuyển sau khi đã học bổ sung kiến thức** theo quy định của Đại học Cần Thơ.

4. Đối tượng và chính sách ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục 02 năm (24 tháng) trở lên tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hiện hành. Trong trường hợp này, ứng viên phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Ứng viên không cung cấp minh chứng hoặc minh chứng không hợp lệ sẽ không được xét tuyển.

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

c) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

d) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 (24 tháng) năm trở lên tại các địa phương được quy định là khu vực 1 theo khoản a của mục này.

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

Thí sinh nộp hồ sơ ưu tiên cùng với thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển. Không nhận hồ sơ ưu tiên sau khi đã công bố kết quả trúng tuyển.

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi nửa điểm (0,5 điểm) theo thang điểm 10 cho môn thi cơ bản. Đối với trường hợp xét tuyển dựa trên hồ sơ năng lực, ứng viên được cộng nửa điểm (0,5 điểm) theo thang điểm 10 đã quy đổi.

III. ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO, THỜI GIAN ĐÀO TẠO, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

a) Địa điểm đào tạo: đào tạo tập trung tại Đại học Cần Thơ theo hình thức tín chỉ.

b) Hình thức đào tạo: chính quy bao gồm cả định hướng nghiên cứu và ứng dụng.

c) Thời gian đào tạo:

- Thời gian đào tạo chuẩn: 02 năm (24 tháng).

- Thời gian đào tạo tối đa: 04 năm (48 tháng).

d) Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng được ban hành và công bố trên trang thông tin điện tử của Đại học Cần Thơ, truy cập tại <https://www.ctu.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-sau-dai-hoc.html>

IV. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Thi tuyển, xét tuyển và xét tuyển kết hợp thi đánh giá năng lực ngoại ngữ.

1. Thi tuyển

Đại học Cần Thơ tổ chức **thi tuyển** đối với **03 ngành thạc sĩ**:

- Ngành thạc sĩ Luật định hướng nghiên cứu.

- Ngành thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh) định hướng nghiên cứu.

- Ngành thạc sĩ Ngôn ngữ Anh định hướng nghiên cứu.

2. Xét tuyển

Theo hồ sơ năng lực, bao gồm tất cả các ngành, ngoại trừ các ngành thi tuyển đã đề cập ở mục IV.1.

Tiêu chí và quy đổi điểm xét tuyển

Dựa trên điểm trung bình tích lũy (tính đến 2 chữ số thập phân) trong Bảng điểm hay Phụ lục văn bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương.

a) Đối với các ứng viên có bảng điểm hay Phụ lục văn bằng tốt nghiệp thể hiện cả điểm trung bình tích lũy toàn khóa theo thang điểm 10 và thang điểm 4; điểm sử dụng để quy đổi xét tuyển là điểm tính theo thang 10, tính đến 2 chữ số thập phân.

Ví dụ: Điểm trung bình tích lũy của ứng viên như sau

Điểm tích lũy toàn khóa theo thang điểm 4: 2,55/4,0

Quy đổi theo thang điểm 10: 6,14/10,0

- Đối với các ứng viên có Bảng điểm hay Phụ lục văn bằng tốt nghiệp chỉ được tính theo thang điểm 4, quy đổi về thang điểm 10 để tính điểm xét tuyển.

b) Điểm thưởng về thành tích nghiên cứu khoa học:

Người dự tuyển có công bố khoa học trên các tạp chí chuyên ngành được tính điểm của Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước (HĐCDGSNN), theo ngành đào tạo. Cụ thể như sau:

- Là tác giả chính (tác giả đứng đầu hay tác giả liên hệ): cộng 0,5 điểm (tính trên thang điểm 10).

- Là đồng tác giả: cộng 0,25 điểm (tính trên thang điểm 10).

Điểm thưởng tối đa đối với mỗi ứng viên là nửa điểm (0,5/10). Trường hợp ứng viên có nhiều hơn 01 bài báo khoa học, chỉ chọn 01 bài báo có điểm cộng cao để tính điểm thưởng xét tuyển.

Chú ý: Không áp dụng điểm thưởng về thành tích nghiên cứu khoa học đối với người dự tuyển vào chương trình định hướng nghiên cứu có hạng tốt nghiệp loại trung bình, phải có công bố khoa học để đáp ứng điều kiện xét tuyển như đã nêu ở mục II.1.

Tổng điểm xét tuyển: Điểm trung bình tích lũy đại học (đã quy đổi) + Điểm thưởng thành tích NCKH + Điểm ưu tiên.

Ví dụ: Ứng viên có:

- Điểm trung bình tích lũy đại học là 6,14 điểm
- Điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học là 0,5 điểm
- Điểm ưu tiên: 0

Tổng điểm là $6,14 + 0,5 + 0 = 6,64$ (**Đây là ví dụ cộng 3 nội dung khi xét tuyển, không phải điểm xét tuyển của đợt tuyển sinh này**).

3. Xét tuyển kết hợp thi tuyển

Xét tuyển kết hợp với thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh được áp dụng đối với ngành tuyển sinh theo phương thức xét tuyển, ứng viên chưa đảm bảo điều kiện ngoại ngữ theo quy định.

V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu, 01 bản chính);
2. Bảng điểm đại học/Phụ lục văn bằng (01 bản sao công chứng);
3. Bằng tốt nghiệp đại học (01 bản sao công chứng);
4. Lý lịch cá nhân (theo mẫu, 01 bản chính);
5. Biên nhận hồ sơ đã điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu (theo mẫu, 02 bản chính);
6. Căn cước công dân (01 bản sao công chứng);
7. Phiếu dán ảnh (dán kèm 03 ảnh 3 x 4 mới nhất, không quá 03 tháng);
8. Chứng chỉ miễn thi ngoại ngữ, nếu có (01 bản sao có công chứng);
9. Hồ sơ xác nhận ưu tiên, nếu có (01 bộ hồ sơ có công chứng);
10. Bảng điểm bổ sung kiến thức đối với ngành phù hợp cần bổ sung kiến thức (01 bản sao);
11. Giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục Quản lý Chất lượng giáo dục đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (01 bản sao công chứng);
12. Bài báo khoa học đã công bố trên các tạp chí được tính điểm của Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước theo ngành đào tạo đối với trường hợp thí sinh tốt nghiệp đại học loại trung bình, trung bình khá đăng ký dự tuyển ngành thạc sĩ định hướng nghiên cứu (01 bản sao bài báo có bìa và mục lục).

VI. ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN, XÉT TUYỂN

Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành/chuyên ngành đào tạo và tổng điểm thi/kiểm tra hay tổng điểm xét tuyển (không tính điểm ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển, xét theo thứ tự cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

Trường hợp có nhiều thí sinh có cùng tổng điểm thi tuyển/xét tuyển (*đã cộng điểm thưởng, điểm ưu tiên, nếu có*) thì thí sinh là nữ, ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới.

VII. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ, THỜI GIAN ÔN TẬP, CHI PHÍ DỰ TUYỂN

- **Thời gian nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển:** từ ngày ra thông báo đến hết ngày 13/3/2026.
- Đại học Cần Thơ nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển nộp đầy đủ và đúng thời hạn thông báo.
- Hồ sơ và lệ phí đã nộp không hoàn trả lại với bất cứ lý do gì.
- Tất cả các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ của thí sinh dự tuyển sẽ được thẩm định đúng quy trình. Trường hợp văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ không hợp lệ thì kết quả tuyển sinh của thí sinh sẽ bị hủy bỏ và cá nhân thí sinh phải chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật theo quy định hiện hành.

1. Thời gian ôn tập: từ ngày 14/3/2026 đến ngày 11/4/2026

Giảng dạy vào thứ 7 và chủ nhật hàng tuần, thời khóa biểu vui lòng xem tại website Khoa Sau đại học <http://gs.ctu.edu.vn>

2. Chi phí dự tuyển:

a) Đối với các ngành xét tuyển kết hợp thi tuyển (*Số thứ tự từ 1 – 58*)

- Thí sinh đã có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định: 800.000đ/thí sinh.
- Thí sinh chưa có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định phải tham gia thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào bậc 3/6 (B1): 3.540.000đ/thí sinh (*chi phí bao gồm xét tuyển chuyên môn, ôn và thi ngoại ngữ*).

b) Đối với ngành thi tuyển (*Số thứ tự từ 59 – 61*):

- Ngành thạc sĩ Luật định hướng nghiên cứu:

Thí sinh đã có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định: 2.160.000đ/thí sinh (*chi phí bao gồm ôn và thi 02 môn chuyên môn*).

Thí sinh chưa có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định phải tham gia thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào bậc 3/6 (B1): 4.900.000đ/thí sinh (*chi phí bao gồm ôn và thi 03 môn*).

- Ngành thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh) định hướng nghiên cứu, Ngành thạc sĩ Ngôn ngữ Anh định hướng nghiên cứu: 2.160.000đ/thí sinh (*chi phí bao gồm ôn và thi 02 môn chuyên môn*).

VIII. THỜI GIAN THI TUYỂN, CÔNG BỐ KẾT QUẢ VÀ DỰ KIẾN NHẬP HỌC

1. Thời gian thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 (B1): **18/4/2026**.
2. Thời gian thi tuyển chuyên môn của ngành thạc sĩ Luật định hướng nghiên cứu, ngành thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh định hướng nghiên cứu, ngành thạc sĩ Ngôn ngữ Anh định hướng nghiên cứu: **25/4/2026**.
3. Thời gian dự kiến công bố kết quả tuyển sinh: 08/5/2026.
4. Thời gian dự kiến nhập học: 18/5/2026.

IX. HỌC PHÍ

Học phí thu theo tín chỉ, áp dụng mức học phí từ học kỳ 1 năm học 2026 – 2027. Mức học phí cố định khóa học. Một số ngành có thể triển khai học trước vào học kỳ 3 năm học 2025 – 2026 nếu số lượng tuyển đủ mở lớp. Thí sinh tham khảo mức học phí tại địa chỉ website: <https://dfa.ctu.edu.vn/van-ban/cap.html>

X. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP HỒ SƠ

Hồ sơ đăng ký và mọi chi tiết khác có liên quan xin vui lòng liên hệ:

Khoa Sau đại học Đại học Cần Thơ, Khu 2 đường 3/2, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 02923 734402

Website: <http://gs.ctu.edu.vn>

Email: ksdh@ctu.edu.vn, nhgtien@ctu.edu.vn

Facebook: <https://www.facebook.com/profile.php?id=61563911950625>

Nơi nhận:

- Website ĐHCT, KSĐH;
- Các đơn vị trong trường;
- Sở ban ngành các tỉnh, thành;
- Lưu: VT, KSĐH.



Lê Văn Lâm

PHỤ LỤC

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ
(Kèm theo Thông tư số: 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Quyết định bổ sung)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT <i>Không chấp nhận chứng chỉ TOEFL iBT thi Online (Home Edition)</i>	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0-5.0	5.5-6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis ESOL International Certificate ¹	B1	B2
		Pearson English International Certificate ²	Level 2	Level 3
		Pearson Test of English Academic ³	43-58	Từ 59-75
		Versant English Placement Test ⁴	43-66	
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

Ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.

Ghi chú:

Các chứng chỉ ngoại ngữ phải được cấp bởi các tổ chức đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài, được công bố trên website của Cục Quản lý Chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo <https://vqa.moet.gov.vn/>

¹ Theo quyết định số 925/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 3 năm 2023.

² Theo quyết định số 93/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 01 năm 2024.

³ Theo quyết định số 2383/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2024.

⁴ Theo quyết định số 58/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2026.